

Bản án số: 110/2017/HSPT

Ngày: 17-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bạch Đăng Thi

Các thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng

Ông Ong Thân Thắng

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông Dương Đình Hưng - Thư ký
Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Khắc
Phùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 17/11/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử
phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 144/2017/HSPT ngày 02/10/2017 đối với bị cáo
Dương Hoài Đ do có kháng cáo của bị cáo Đ với bản án hình sự sơ thẩm số
25/2017/HSST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc
Giang.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Dương Hoài Đ, sinh năm 1992; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT và nơi
ở: thôn C, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn
hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông
Dương Thái H (đã chết) và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960; Vợ, con: Chưa có;
Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo hiện đang tại ngoại, áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi
cư trú. Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của VKSND huyện T và bản án hình sự sơ thẩm số
25/2017/HSST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, nội dung vụ
án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 25/4/2016 đến ngày 17/5/2016, Dương
Hoài Đ sinh năm 1992, trú tại thôn C, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang đã dùng thủ
đoạn gian dối, đưa ra thông tin không đúng sự thật để thuê xe ô tô của người khác
sau đó mang đi tiêu thụ lấy tiền chi tiêu cá nhân, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 25/4/2016, Dương Hoài Đ đến
nhà anh Lê Ngọc V, sinh năm 1975 ở phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang để

trả xe ô tô cho anh V (vì Đ thuê xe của anh V từ buổi sáng cùng ngày) thì gặp anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1986, trú tại phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang đang ở nhà anh V. Do biết anh Q có chiếc xe ô tô nhãn hiệu DAEWOO, số loại LACETTICE, màu sơn đen, biển kiểm soát 98A- 066.40 (đăng ký xe mang tên Tổng Công C ở địa chỉ thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang) thường cho thuê và anh Q đang để chiếc xe ô tô đó ở nhà anh V nên sau khi trả xe ô tô cho anh V, Đ đặt vấn đề với anh Q cho Đ thuê xe ô tô của anh Q để Đ sử dụng làm phương tiện đi lại trong thời hạn 01 tháng, anh Q đồng ý và thỏa thuận với Đ giá thuê xe ô tô là 600.000 đồng/01 ngày. Tại nhà anh V, Đ nhờ anh V lấy giấy và bút viết hộ Đ “Giấy mượn xe” ô tô biển kiểm soát 98A- 066.40 của anh Q. Anh V lấy giấy và bút rồi viết “Giấy mượn xe” hộ Đ. Sau khi Đ ký vào phần “Người mượn” trong “Giấy mượn xe” và trả trước cho anh Q số tiền 6.000.000 đồng, anh Q giao xe ô tô, chìa khóa cùng giấy tờ xe ô tô biển kiểm soát 98A- 066... (gồm 01 Chứng nhận đăng ký xe số 50 và 01 Chứng nhận kiểm định xe số 02820 đều mang tên Tổng Công C, địa chỉ: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang) cho Đ. Làm thủ tục thuê xe xong, Đ điều khiển chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A- 066.40 về nhà. Do chưa tìm được chỗ tiêu thụ nên Đ đã sử dụng chiếc xe ô tô này của anh Q làm phương tiện đi lại từ ngày 25/4/2016 đến ngày 01/5/2016. Khoảng 12 giờ ngày 02/5/2016, Đ mang chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A- 066.40 đến nhà anh Nguyễn Văn H sinh năm 1989 ở khu 1, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang, hỏi vay anh H số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) và để lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A- 066.40 cho anh H thế chấp làm tin. Khi vay tiền của anh H, Đ tự viết “Giấy mượn tiền” và “Giấy cam đoan”. Trong “Giấy cam đoan”, Đ cam đoan chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A - 066.40 là của Đ. Sau khi Đ viết “Giấy mượn tiền”, “Giấy cam đoan”, để lại Chứng minh nhân dân mang tên Dương Hoài Đ, xe ô tô biển kiểm soát 98A - 066.40 và giấy tờ liên quan của xe, anh H giao cho Đ đủ số tiền 120.000.000 đồng.

Ngày 25/5/2016, do không có xe để trả cho anh Nguyễn Đức Q như đã hẹn nên Đ đã đến gặp anh Q xin gia hạn thuê xe ô tô biển kiểm soát 98A- 066.40 thêm 01 tháng nữa, anh Q đồng ý. Khi gia hạn thuê xe, Đ tự viết “Giấy mượn xe” ô tô biển kiểm soát 98A- 066.40 của anh Q kể từ ngày 25/5/2016 đến ngày 25/6/2016 và giao cho anh Q giữ Giấy mượn xe này. Đến hạn, không thấy Đ mang xe đến trả, anh Q đã nhiều lần liên lạc qua điện thoại và trực tiếp đến nhà anh Đ để đòi lại xe nhưng đều không liên lạc được và không gặp mặt được Đ nên ngày 05/7/2016 anh Q đã làm đơn trình báo gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang. Ngày 06/7/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang tạm giữ của anh Q 01 Giấy mượn xe đề ngày 25/05/2016 có chữ ký Dương Hoài Đ ở phần “Người mượn xe”.

Ngày 18/7/2016, Nguyễn Văn H đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang: 01 xe ô tô nhãn hiệu DAEWOO, số loại LACETTICE, màu sơn đen, biển kiểm soát 98A- 066.40, xe đã cũ; 01 Chứng nhận đăng ký và 01

Chứng nhận kiểm định xe ô tô biển kiểm soát 98A- 066.40 mang tên Tổng Công C ở thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; 01 Chứng minh nhân dân số 121925552 mang tên Dương Hoài Đ; 01 Giấy mượn tiền và 01 Giấy cam đoan đề ngày 02/5/2016.

Vụ thứ hai: Do biết anh Nguyễn Văn T sinh năm 1981 ở phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang (là bạn bè quen biết từ trước với Đ) có chiếc xe ô tô nhãn hiệu DAEWOO, số loại LACETTICE, màu sơn đen, biển kiểm soát 98A- 047.5 (đăng ký xe mang tên Diêm Đăng Qu ở địa chỉ thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang) nên khoảng 12 giờ ngày 17/5/2016, Đ đi cùng anh Nguyễn Thành L sinh năm 1981 trú tại số nhà 06, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đến nhà anh T với mục đích thuê chiếc xe ô tô này sau đó mang đi tiêu thụ lấy tiền chi tiêu. Khi đến nhà anh T, anh Long ở ngoài, còn Đ vào trong nhà anh T đặt vấn đề thuê xe ô tô của anh T. Tại đây anh T, Đ và anh T thỏa thuận Đ thuê chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A- 047.5 của anh T trong thời gian 01 tháng (kể từ ngày 17/5/2016 đến ngày 17/6/2016) với giá 600.000 đồng/01 ngày. Đ viết “Giấy mượn xe” với nội dung: “Dương Hoài Đ, sinh năm 1992 ở xóm Chợ, An Dương, Tân Yên, Bắc Giang mượn của anh Nguyễn Văn T ở phố T, thị trấn N, huyện T, Bắc Giang xe ô tô biển kiểm soát 98A-04.77 để sử dụng đi lại, hạn đến ngày 17/6/2017 sẽ trả lại anh T chiếc xe và toàn bộ giấy tờ”. Sau khi Đ viết “Giấy mượn xe” và giao cho anh T số tiền 18.000.000 đồng, anh T giao xe, chìa khóa xe cùng giấy tờ xe ô tô biển kiểm soát 98A - 047.52 (gồm 01 chứng nhận đăng ký xe số 014170 và 01 chứng nhận kiểm định số 5289809 đều mang tên chủ xe là Diêm Đăng Qu) cho Đ. Ngay sau khi thuê được xe ô tô của anh T, Đ điều khiển xe đi thẳng đến nhà anh Hà Văn T sinh năm 1973 ở thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang viết giấy bán chiếc xe ô tô này của T cho anh Th lấy số tiền 110.000.000 đồng và hạn với anh Th trong vòng 01 tháng sẽ đến chuộc lại xe ô tô và trả tiền cho anh Th.

Đến hạn, không thấy Đ mang xe đến trả, anh T đã nhiều lần liên lạc qua điện thoại và trực tiếp đến nhà anh Đ để đòi lại xe nhưng đều không liên lạc được và không gặp được Đ nên ngày 26/6/2016 anh T đã làm đơn trình báo gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T.

Ngày 04/7/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T tạm giữ của anh Hà Văn Th 01 Giấy cam kết bán xe máy, ô tô đề ngày 17/5/2016 phía dưới có chữ ký của bên bán là Dương Hoài Đ.

Ngày 29/7/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang tạm giữ của anh Nguyễn Văn T 01 Giấy mượn xe đề ngày 17/5/2016 có chữ ký của người mượn xe là Dương Hoài Đ.

Đến cuối tháng 6 năm 2016, không thấy Đ đến để chuộc chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A- 047.5 như đã hạn nên anh Th đã bán chiếc xe ô tô này cho anh Nguyễn Sỹ T - sinh năm 1979, trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang với giá 140.000.000 đồng. Ngày 28/7/2016 do không có nhu cầu sử dụng nên anh

Nguyễn Sỹ T đã bán xe cho anh Nguyễn Đăng G sinh năm 1977, trú tại phố B, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh với giá 177.000.000 đồng. Đến đầu tháng 8 năm 2016 anh G lại tiếp tục bán chiếc xe ô tô trên cho anh Nguyễn Ngọc A- sinh năm 1971, trú tại khu III, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang với giá 185.000.000 đồng. Khi biết chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A- 047.5 có liên quan đến vụ án do Cơ quan điều tra đang thụ lý nên ngày 11/8/2016 anh Ngọc A đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang chiếc xe ô tô này cùng giấy tờ của xe (gồm 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe số 014170 và 01 Chứng nhận kiểm định số 5289809, tất cả đều mang tên chủ xe là Diêm Đăng Qu).

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 33/KL-ĐGTS ngày 17/8/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, định giá: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAEWOO, số loại: LACETTICE, màu sơn đen, biển kiểm soát 98A- 066.40, số khung F46D4H005253, số máy F16D3163853K có giá trị là 160.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 34/KL-ĐGTS ngày 17/8/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, định giá: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAEWOO, số loại: LACETTICE, màu sơn đen, biển kiểm soát 98A- 047.5, số khung RLLANF46D4, số máy: F16D3130390K có giá trị là 160.000.000 đồng.

Ngày 04/8/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang có Quyết định trưng cầu giám định số 190/PC45, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang giám định chữ viết, chữ ký trên Giấy mượn tiền và Giấy cam đoan đề ngày 02/5/2016; Giấy mượn xe đề ngày 25/5/2016; Giấy mượn xe và Giấy cam kết bán xe máy, ô tô đề ngày 17/5/2016 có phải do cùng một người viết ra không?

Tại Kết luận giám định số 946/KL-PC54 ngày 18/8/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chữ viết, chữ ký trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5 (trừ chữ viết, chữ ký dưới mục “Bên mua” tài liệu A4; dưới mục “Người cho mượn” tài liệu A5) là do cùng một người viết, ký ra”.

Ngày 20/4/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện T có Quyết định trưng cầu giám định số 01/QĐ-VKS, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang giám định chữ viết, chữ ký trên Giấy mượn tiền và Giấy cam đoan đề ngày 02/5/2016; Giấy mượn xe đề ngày 25/5/2016; Giấy mượn xe và Giấy cam kết bán xe máy, ô tô đề ngày 17/5/2016 với chữ viết, chữ ký của Dương Hoài Đ có phải do cùng một người viết ra không?

Tại Kết luận giám định số 636/KL-PC54 ngày 27/4/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chữ viết, chữ ký trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5 (trừ chữ viết, chữ ký dưới mục “Bên mua” tài liệu A4; dưới mục “Người cho mượn” tài liệu A5) so với chữ viết, chữ ký

của Dương Hoài Đ trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M10 là do cùng một người viết, ký ra”.

Quá trình điều tra, Dương Hoài Đ khai nhận do có quan hệ thân thiết với Nguyễn Thành L nên Đ và Long đã bàn bạc với nhau về việc Đ sẽ đi tìm thuê xe ô tô, sau đó mang những chiếc xe ô tô đã thuê được đi tiêu thụ lấy tiền. Số tiền tiêu thụ xe ô tô của anh T và anh Q có được, Đ đã đưa hết cho L để L trả nợ. Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với anh Nguyễn Thành L nhưng anh L không thừa nhận nội dung như Đ khai. Theo anh L trình bày thì ngày 17/5/2016, Đ hỏi vay anh L số tiền 20.000.000 đồng để thuê xe ô tô đi làm, do không tin tưởng Đ nên anh L đã yêu cầu Đ cho anh L đi cùng đến nhà anh T để Đ thuê xe ô tô, nội dung việc Đ thuê xe ô tô của anh T như thế nào thì anh L không biết vì L ngồi ở bên ngoài. Anh L không biết và không liên quan đến việc Đ cầm cố và bán xe ô tô của anh Q và anh T. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tổ chức cho Dương Hoài Đ và anh Nguyễn Thành L đối chất nhưng không có kết quả. Ngoài lời khai của Đ ra không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh Đ và anh L bàn bạc với nhau về việc Đ đứng ra thuê xe của anh Q và anh T sau đó mang đi tiêu thụ lấy tiền. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý đối với anh Nguyễn Thành L.

Đối với anh H và anh T không biết nguồn gốc xe ô tô biển kiểm soát 98A-066.40 và xe ô tô biển kiểm soát 98A-047.5 là do Đ phạm tội mà có nên anh T và anh H không vi phạm pháp luật.

Quá trình điều tra xác định xe ô tô nhãn hiệu DAEWOO, số loại LACETTICE, màu sơn đen, biển kiểm soát 98A-066.40 cùng giấy tờ của xe (gồm 01 Chứng nhận đăng ký xe số 5099 và 01 chứng nhận kiểm định xe số 0282055 đều mang tên Tổng Công C ở thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang) là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Đức Q; xe ô tô nhãn hiệu DAEWOO, số loại LACETTICE, màu sơn đen, biển kiểm soát 98A-047.5 cùng giấy tờ của xe (gồm 01 chứng nhận đăng ký xe số 014170 và 01 Chứng nhận kiểm định số 5289809 đều mang tên chủ xe là Diêm Đăng Q ở thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang) là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn T nên ngày 23/12/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe ô tô biển kiểm soát 98A-066.40 cùng các giấy tờ liên quan cho anh Q, trả lại xe ô tô biển kiểm soát 98A-047.5 cùng các giấy tờ liên quan cho anh T. Đến nay anh Q và anh T không có yêu cầu gì về việc bồi thường thiệt hại.

Sau khi biết chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A-047.5 là do phạm tội mà có, anh Hà Văn T đã trả lại cho anh Nguyễn Sỹ T số tiền 140.000.000 đồng, anh T đã trả lại cho anh Nguyễn Đăng G số tiền 177.000.000 đồng, anh G đã trả lại cho Nguyễn Ngọc A số tiền 185.000.000 đồng. Đến nay, anh T, anh G, anh Ngọc A không có yêu cầu gì về việc bồi thường.

Dương Hoài Đ cùng mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị P - sinh năm 1960 trú tại thôn C, xã A, huyện T đã bồi thường cho anh Nguyễn Văn H được số tiền là 100.000.000 đồng;

bồi thường cho anh Hà Văn T số tiền 80.000.000 đồng. Số tiền còn nợ lại anh H là 20.000.000 đồng và nợ lại anh T là 30.000.000 đồng, anh H và anh T tự thỏa thuận với bà P nên không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Đối với chứng minh thư nhân dân của Đ thu giữ trong quá trình điều tra, ngày 27/4/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã có Quyết định xử lý vật chứng trả lại Chứng minh thư nhân dân này cho Đ.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 25/2017/HSST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố bị cáo Dương Hoài Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 139; Điểm b, Điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Hoài Đ 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, tiền án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 22/8/2017 bị cáo Dương Hoài Đ nộp đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã chủ động khắc phục hậu quả, bị cáo có nhân thân tốt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Dương Hoài Đ vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Hoài Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo Dương Hoài Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 139; Điểm b, Điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Hoài Đ 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Dương Hoài Đ đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Dương Hoài Đ thừa nhận cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điểm a Khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan và khai nhận toàn bộ hành vi phạm

tội. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, bị cáo cho rằng mức hình phạt 07 năm tù là nặng đối với bị cáo, nên bị cáo kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay bị cáo Dương Hoài Đ vắng mặt, bị cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, vụ án không có kháng cáo, kháng nghị theo hướng bất lợi cho bị cáo. Do vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định tại Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08/12/2005 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Dương Hoài Đ thấy: Bằng thủ đoạn gian dối bị cáo Đ đã chiếm đoạt 02 chiếc xe ô tô có tổng trị giá 320.000.000 đồng của anh Nguyễn Đức Q và anh Nguyễn Văn T. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, qua đó thể hiện thái độ bất chấp và coi thường pháp luật của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Bị cáo đã cùng gia đình khắc phục một phần hậu quả, bồi thường cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo có ông nội và bà ngoại có công với cách mạng và được thưởng Huân, Huy chương kháng chiến hạng nhì, hạng nhất đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Án sơ thẩm sau khi đánh giá toàn diện, khách quan hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân dân bị cáo đã xử phạt bị cáo 07 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới so với cấp sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ Điểm a, Khoản 2, Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Hoài Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Dương Hoài Đ phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điểm a, Khoản 3, Điều 139; Điểm b, Điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Hoài Đ 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Bị cáo Dương Hoài Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 25/2017/HSST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Bạch Đăng Thi